ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số : 197 /2005/QĐ-UBND	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2005*

QUYẾT ĐỊNH
Về xếp loại đường bộ để xác định cước vận tải

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 32/2005/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 6 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quy định xếp loại đường bộ để tính cước vận tải;

Xét đề nghị của Sở Giao thông-Công chính (Công văn số 2187/SGTCC-GT ngày 04 tháng 10 năm 2005);

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, Danh mục xếp loại đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh để xác định cước vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Giao thông-Công chính, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc các Sở-ban-ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện và Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPHĐ-UB : Các PVP;
- Các Tổ NCTH;
- Lưu (ĐT/Thg) H.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đua

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

BẢNG XẾP LOẠI ĐƯỜNG ĐỂ TÍNH GIÁ CƯỚC NĂM 2005 TRÊN ĐỊA BÀN TP. HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 197 /2005/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Số thứ tự	Tên đường	Từ Km - đến Km	Chiều dài (mét)	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6
1	An Dương Vương (quận 6-8)	Hậu Giang-Phú Định	5.541						5.541
2	An Hạ (Bình Chánh)	Ranh H.Môn-Ranh Long An	13.602						13.602
3	Bùi Công Trừng (Hóc Môn)	Đặng Thúc Vịnh- Cầu Võng	5.491						5.491
4	Dương Công Khi (Hóc Môn)	QL.22-ranh Bình Chánh	6.932						6.932
5	Hà Huy Giáp (quận 12)	Cầu An Lộc-Cầu Phú Long	5.731						5.731
6	Huỳnh Tấn Phát (quận 7-Nhà Bè)	Trần Xuân Soạn-phà Bình Khánh	11.230		11.230				
7	Kinh Dương Vương (quận 6-Bình Tân)	Vòng xoay Phú Lâm-Ngã ba An Lạc	6.275		6.275				
8	Lê Văn Khương (quận 12-Hóc Môn)	Cầu Trường Đai-Đặng Thúc Vịnh	5.180						5.180
9	Lê Văn Lương (quận 7-Nhà Bè)	Trần Xuân Soạn-Ranh tỉnh Long An	11.659						11.659
10	Đặng Công Bỉnh (Hóc Môn)	Ranh Bình Chánh-Quốc lộ 22	8.636						8.636
11	Đặng Thúc Vịnh (Hóc Môn)	Cầu Rạch Tra-Ngã ba Chùa	6.438						6.438
12	Nguyễn Ảnh Thủ (quận 12)	Lê Văn Khương-Tô Ký	5.890						5.890
13	Nguyễn Bình (Nhà Bè)	Ngã ba Nhơn Đức-Huỳnh Tấn Phát	5.891						5.891
14	Nguyễn Hữu Thọ (quận 7-Nhà Bè)	Nguyễn Văn Linh-Nguyễn Văn Tạo	6.366					6.366	
15	Nguyễn Trãi (quận 1-5)	Ngã sáu Sài Gòn-Nguyễn Thị Nhỏ	5.447				5.447		

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Số thứ tự	Tên đường	Từ Km - đến Km	Chiều dài (mét)	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6
16	Nguyễn Văn Bứa (Hóc Môn)	Ranh tỉnh Long An-Quốc lộ 22	7.458						7.458
17	Điện Biên Phủ (quận 1-3-Bình Thạnh)	Đinh Tiên Hoàng-Cầu Sài Gòn	6.426		6.426				
18	Phạm Thế Hiển (quận 8)	Cầu Rạch Ông- Ba Tơ	8.821						8.821
19	Phạm Văn Hớn (quận 12-Hốc Môn)	Trường Chinh-Nguyễn Văn Bứa	8.839						8.839
20	Phan Văn Trị (Bình Thạnh-Gò Vấp)	Lê Quang Định-Thống Nhất	5.478					5.478	
21	Quang Trung (Gò vấp-Hóc Môn)	Ngã sáu Gò Vấp-Ngã ba Chùa	5.929			5.929			
22	Quốc Lộ 1A (Bình Chánh)	Nút giao An Sương-Ranh Long An	22.813			22.813			
23	Quốc Lộ 1A (quận 12)	Cầu Bình Phước-Nút giao An Sương	11.787		11.787				
24	Quốc Lộ 1A (quận Bình Tân)	Kinh Dương Vương-QL.1A	13.845		13.845				
25	Quốc Lộ 22 (quận 12-HMôn-Củ Chi)	Nút giao An Sương-Ranh Tây Ninh	30.250		30.250				
26	Quốc Lộ 50 (quận 8-Bình Chánh)	Km 1+001-Km 11+691	10.686						10.686
27	Tỉnh Lộ 10 (Bình Tân-Bình Chánh)	An Dương Vương-Ranh Long An	13.817					13.817	
28	Tỉnh Lộ 15 (Củ Chi)	Cầu Xáng-Bến Súc	35.050						35.050
29	Tỉnh Lộ 7 (Củ Chi)	Cầu Tân Thái-TL.15	22.750						22.750
30	Tỉnh Lộ 8 (Củ Chi)	Cầu Thầy Cai-Cầu Phú Cường	23.428						23.428
31	Tỉnh Lộ 9 (Củ Chi)	Cầu Rạch Tra-TL.8	7.592						7.592
32	Tô Ký (quận 12-Hóc Môn)	QL.1A-Ngã ba Chùa	5.336						5.336
33	Trần Hưng Đạo (quận 1-5)	Vòng xoay Quách T.Trang-Học Lạc	5.553		5.553				
34	Trường Chinh (Tân Bình)	Ngã tư Bảy Hiền-Cầu Tham Lương	5.609				5.609		

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Số thứ tự	Tên đường	Từ Km - đến Km	Chiều dài (mét)	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6
35	Vĩnh Lộc (Bình Chánh)	Tỉnh Lộ 10-Ranh Hóc Môn	8.462						8.462
36	Lương Định Của (quận 2)	Phà Thủ Thiêm-Nguyễn Thị Định	5.550						
37	Nguyễn Thị Định (quận 2)	Quốc lộ 52-Phà Cát Lái	7.140				7.140		
38	Quốc Lộ 52	Cầu Sài Gòn-Nút Thủ Đức (Trạm 2)	9.250		9.250				
39	Nguyễn Xiển (HL.33)	Ngã ba Long Thuận-Quốc lộ 1A	10.6					10.6	
40	Đỗ Xuân Hợp	Quốc lộ 52-Nguyễn Duy Trinh	5.330					5.330	
41	Quốc Lộ 1A	Cầu Đồng Nai-Cầu Bình phước	14.980		14.980				
42	Quốc Lộ 1	Cầu Bình Lợi-Quốc Lộ 1A	9.690					9.690	
43	Quốc Lộ 13	Cầu Bình Triệu-Ranh Bình Dương	5.500				5.500		
44	Quốc Lộ 43	Quốc lộ 1-Ranh tỉnh Bình Dương	7.380				7.380		

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đua

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn